

DANH SÁCH HỌC SINH TỐT NGHIỆP THCS

NĂM HỌC: 2018-2019

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
1	9/1	Bùi Anh Duy	24/06/2004	Nam	Kinh	7.3	8.9	9.5	Giỏi
2	9/1	Đỗ Nguyễn Mỹ Anh	22/10/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.3	9.5	Giỏi
3	9/1	Đoàn Nam Trung	17/02/2004	Nam	Kinh	7.6	9.3	9.2	Giỏi
4	9/1	Dương Gia Lâm	12/03/2004	Nam	Kinh	7.2	8.2	8.6	Giỏi
5	9/1	Hà Lê Minh Trí	25/07/2004	Nam	Kinh	7.9	9.4	9.7	Giỏi
6	9/1	Hồ Nguyễn Tiến Thành	06/08/2004	Nam	Kinh	6.9	8.6	8.9	Giỏi
7	9/1	Huỳnh Hồng Thiên Trang	25/01/2004	Nữ	Kinh	7.8	9.1	9.2	Giỏi
8	9/1	Lâm Diệu Thư	22/06/2004	Nữ	Kinh	6.9	8.8	8.7	Giỏi
9	9/1	Lê Bích Loan	21/11/2004	Nữ	Kinh	6.5	9.2	8.6	Giỏi
10	9/1	Lê Nguyễn Quỳnh Phi	29/06/2004	Nữ	Kinh	7.9	9.4	9.2	Giỏi
11	9/1	Mai Dương Thảo Nguyên	20/03/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.9	9.5	Giỏi
12	9/1	Nguyễn Bùi Minh Phương	17/08/2004	Nữ	Kinh	7.6	9.3	9.5	Giỏi
13	9/1	Nguyễn Công Hiền	22/09/2004	Nam	Kinh	6.5	8	7.6	Giỏi
14	9/1	Nguyễn Đặng Kiên	17/07/2004	Nam	Kinh	6.5	9	8.8	Giỏi
15	9/1	Nguyễn Diệp Minh An	07/09/2004	Nữ	Kinh	7.2	9.6	9	Giỏi
16	9/1	Nguyễn Dương Tấn Đạt	24/09/2004	Nam	Kinh	6.9	7.7	7.4	Giỏi
17	9/1	Nguyễn Hà Hải Hậu	15/01/2004	Nam	Kinh	6.6	8.9	8.3	Giỏi
18	9/1	Nguyễn Hà Hải Yến	15/01/2004	Nữ	Kinh	7.7	9.1	8.9	Giỏi
19	9/1	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	02/09/2004	Nữ	Kinh	6.8	8.6	7.9	Giỏi
20	9/1	Nguyễn Hoàng Quốc	04/05/2004	Nam	Kinh	6.6	8.3	7.8	Giỏi
21	9/1	Nguyễn Ngọc Cẩm Thụy	08/04/2004	Nữ	Kinh	7.7	9.3	9.5	Giỏi
22	9/1	Nguyễn Ngọc Huyền Nhi	11/04/2004	Nữ	Kinh	7.5	9.3	9	Giỏi
23	9/1	Nguyễn Thái Khôi Nguyên	20/08/2004	Nam	Kinh	7.1	8.6	8.6	Giỏi
24	9/1	Nguyễn Thế Minh Khôi	01/11/2004	Nam	Kinh	6.5	8.6	8.2	Giỏi
25	9/1	Nguyễn Trà My	08/01/2004	Nữ	Kinh	7.6	9.5	9.7	Giỏi
26	9/1	Nguyễn Việt Hoàng	09/11/2004	Nam	Kinh	7.1	9.4	9.3	Giỏi
27	9/1	Phạm Cẩm Bình	28/05/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.9	9.1	Giỏi
28	9/1	Phạm Ngọc Thư	27/08/2004	Nữ	Kinh	8.2	9	9	Giỏi
29	9/1	Phạm Trần Quốc Huy	04/12/2004	Nam	Kinh	7.3	8.9	9.3	Giỏi
30	9/1	Phạm Vũ Hải Châu	11/06/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.8	9.2	Giỏi
31	9/1	Phạm Vũ Hoàng	27/06/2004	Nam	Kinh	6.6	8.2	8.6	Giỏi
32	9/1	Thái Vương Gia Khánh	27/10/2004	Nam	Kinh	6.9	9.6	9.4	Giỏi
33	9/1	Trần Đức Cường	28/04/2004	Nam	Kinh	6.6	8.5	8.7	Giỏi
34	9/1	Trần Hoàng Bửu Ngọc	15/09/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.8	9.4	Giỏi
35	9/1	Trần Khôi	12/10/2004	Nam	Kinh	6.7	8.9	9.7	Giỏi
36	9/1	Trần Nguyễn Thảo Nhi	16/01/2004	Nữ	Kinh	8	8.8	9.2	Giỏi
37	9/1	Trần Thái Huy	20/07/2004	Nam	Kinh	7.8	9.8	9.6	Giỏi
38	9/1	Trần Thị Tường Vy	20/10/2004	Nữ	Kinh	6.9	8.1	8.2	Giỏi
39	9/1	Trịnh Thị Hồng Trâm	13/09/2004	Nữ	Kinh	6.9	8.4	7.8	Giỏi
40	9/1	Vũ Huyền Châu	08/11/2004	Nữ	Kinh	7.1	8.6	8.6	Giỏi
41	9/10	Cao Hải Nguyên	28/09/2004	Nam	Kinh	7.5	8.4	8.1	Giỏi
42	9/10	Đặng Thanh Ngân	26/09/2004	Nữ	Kinh	7.6	9.5	8.5	Giỏi
43	9/10	Đặng Thị Hoài Phương	20/02/2004	Nữ	Kinh	7	8.8	7.2	Giỏi
44	9/10	Đặng Trọng Tín	11/04/2004	Nam	Kinh	7.1	8.5	6.4	Khá
45	9/10	Đào Lê Nam	12/01/2004	Nam	Kinh	6.2	7.7	6.2	Khá
46	9/10	Diệp Ngọc Thảo	28/09/2004	Nữ	Kinh	6.9	8.8	5.8	Khá
47	9/10	Đỗ Hoàng Trúc Lâm	11/01/2004	Nam	Kinh	6.1	8.1	7	Khá
48	9/10	Đỗ Nghi Bình	24/02/2004	Nữ	Kinh	7.8	8.8	8.8	Giỏi
49	9/10	Đỗ Thị Thùy Anh	23/08/2004	Nữ	Kinh	6.9	8.7	7.2	Khá
50	9/10	Đỗ Trọng Tuyển	06/02/2004	Nam	Kinh	6.6	9.1	7.1	Giỏi
51	9/10	Hồ Nguyễn Gia Hân	30/10/2004	Nữ	Kinh	6.5	8.7	6.9	Giỏi
52	9/10	Hoàng Quang Giáp	06/05/2004	Nam	Kinh	6.5	8	7.1	Khá
53	9/10	Hoàng Văn Nhi	24/02/2004	Nữ	Kinh	8	9.4	8	Giỏi
54	9/10	Lê Anh Bằng	30/06/2004	Nam	Kinh	6.5	9	6	Khá
55	9/10	Lê Hoàng Phong	14/06/2004	Nam	Kinh	7.2	9.1	7.2	Giỏi

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
56	9/10	Lý Nhật Minh	10/03/2004	Nam	Kinh	7.9	9.4	8	Giỏi
57	9/10	Ngô Huỳnh Thắng	02/08/2004	Nam	Kinh	6.5	7.8	6.3	Khá
58	9/10	Nguyễn An Thi	09/07/2004	Nữ	Kinh	6.7	8.5	7.4	Giỏi
59	9/10	Nguyễn Đình Tuệ	01/06/2004	Nữ	Kinh	6.8	7.8	7.1	Khá
60	9/10	Nguyễn Gia Huy	12/11/2004	Nam	Kinh	7.9	9.8	8.7	Giỏi
61	9/10	Nguyễn Hoàng Diễm Quyên	08/02/2004	Nữ	Kinh	6.4	7.9	6.5	Khá
62	9/10	Nguyễn Hoàng Minh Đăng	04/09/2004	Nam	Kinh	7.3	8.7	6.6	Giỏi
63	9/10	Nguyễn Hữu Thuận	18/10/2004	Nam	Kinh	7	8.4	7.6	Giỏi
64	9/10	Nguyễn Minh Quân	25/08/2004	Nam	Kinh	7.2	8.9	7.1	Giỏi
65	9/10	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	12/02/2004	Nữ	Kinh	7.7	8.3	9	Giỏi
66	9/10	Nguyễn Ngọc Thiện	23/10/2004	Nam	Kinh	6.5	8.5	4.7	Khá
67	9/10	Nguyễn Phan Tiểu My	19/12/2004	Nữ	Kinh	6.6	7.8	7.9	Khá
68	9/10	Nguyễn Phúc An	27/06/2004	Nam	Kinh	8.4	9.7	9.1	Giỏi
69	9/10	Nguyễn Thị Hà An	09/10/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.2	8.8	Giỏi
70	9/10	Nguyễn Thị Minh Vương	09/08/2004	Nữ	Kinh	6.2	7.8	6.2	Khá
71	9/10	Nguyễn Thúy Anh	04/10/2004	Nữ	Kinh	7.7	9	8.1	Giỏi
72	9/10	Phạm Hương Thảo	17/08/2004	Nữ	Kinh	8.1	9.1	8.3	Giỏi
73	9/10	Phạm Huỳnh Anh Thư	08/09/2004	Nữ	Kinh	7.1	8	6.4	Khá
74	9/10	Phạm Phương Anh	04/04/2004	Nữ	Kinh	7.2	8.1	8.2	Giỏi
75	9/10	Phạm Quốc Khánh	31/03/2004	Nam	Kinh	6.9	8.2	7.8	Giỏi
76	9/10	Phạm Thị Lan Trinh	18/02/2004	Nữ	Kinh	8.4	9.3	9.1	Giỏi
77	9/10	Phạm Trần Mai Mỹ Uyên	11/01/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.8	8.2	Giỏi
78	9/10	Thái Thị Bích Tuyền	23/10/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.7	7.5	Giỏi
79	9/10	Thân Chí Khải	11/09/2004	Nam	Kinh	7.4	8.6	7.4	Giỏi
80	9/10	Tô Nguyễn Minh An	17/06/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.7	6.5	Giỏi
81	9/10	Trần Khánh Duyên	30/01/2004	Nữ	Kinh	6.8	8.1	5.9	Khá
82	9/10	Trần Ngọc Vân Khanh	18/03/2004	Nữ	Kinh	6.8	8.6	7.1	Giỏi
83	9/10	Trần Nguyễn Ngọc Trang	22/11/2004	Nữ	Kinh	6.3	7.1	5.3	Khá
84	9/10	Trần Thiện Anh Thư	27/10/2004	Nữ	Kinh	7.1	8.1	6.7	Giỏi
85	9/10	Trương Ngọc Thy Phương	28/05/2004	Nữ	Kinh	8.6	9	8.2	Giỏi
86	9/10	Võ Phương Quỳnh	27/03/2004	Nữ	Kinh	6	6.1	5.3	Trung bình
87	9/10	Vũ Phi Nghi	07/12/2004	Nữ	Kinh	6.8	8.7	7.4	Giỏi
88	9/10	Vương Minh Thùy	22/12/2004	Nữ	Hoa	8.3	9.4	9.3	Giỏi
89	9/11	Đinh Thiên Luân	22/09/2004	Nam	Kinh	5	5	3.9	Trung bình
90	9/11	Đinh Văn Lộc	08/07/2004	Nam	Kinh	6.3	5.6	5.3	Trung bình
91	9/11	Đồng Tấn Phát	16/02/2004	Nam	Kinh	5.7	6.7	5.1	Khá
92	9/11	Dương Nguyễn Khoa Đăng	20/11/2004	Nam	Kinh	5.5	7.8	8.3	Khá
93	9/11	Hoàng Trung Sơn	27/12/2004	Nam	Kinh	4.2	5.1	3.6	Trung bình
94	9/11	Hoàng Việt Đức	13/08/2004	Nam	Kinh	4.5	5.3	4.7	Trung bình
95	9/11	Huỳnh Gia Hân	11/04/2004	Nữ	Kinh	7.2	7	7.9	Khá
96	9/11	Huỳnh Thanh Thảo Nguyên	01/12/2004	Nữ	Kinh	7.4	7.8	5.5	Khá
97	9/11	Huỳnh Thị Kim Ngân	05/10/2004	Nữ	Kinh	6.2	5.9	6.6	Trung bình
98	9/11	Lâm Thiên Nhã	09/03/2004	Nữ	Kinh	6.2	6.7	6.5	Khá
99	9/11	Lê Ân Thiên Linh	27/10/2004	Nữ	Kinh	7.7	9	8.4	Giỏi
100	9/11	Lê Mã Thảo Nguyên	09/11/2004	Nữ	Kinh	7.8	8	5.8	Khá
101	9/11	Mai Ngọc Phan Nhi	27/09/2004	Nữ	Kinh	8	9.3	8.3	Giỏi
102	9/11	Nguyễn Duy Ngọc	27/02/2004	Nam	Kinh	6.7	8.2	7.4	Giỏi
103	9/11	Nguyễn Gia Khiêm	19/06/2004	Nam	Kinh	5.9	6.1	4.1	Trung bình
104	9/11	Nguyễn Hồ Minh Anh	28/05/2004	Nữ	Kinh	8.7	8.3	8.8	Giỏi
105	9/11	Nguyễn Học Thiên	03/03/2004	Nam	Kinh	5.3	5.8	6.4	Trung bình
106	9/11	Nguyễn Hồng Ngọc	16/09/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.4	6.1	Khá
107	9/11	Nguyễn Lê Tường Vân	27/07/2004	Nữ	Kinh	8.3	8.9	6.7	Giỏi
108	9/11	Nguyễn Mạnh Hùng	20/07/2004	Nam	Kinh	5.6	8	7.4	Khá
109	9/11	Nguyễn Minh Đức	03/08/2003	Nam	Kinh	6.4	7.6	6.4	Khá
110	9/11	Nguyễn Phương Thi	07/03/2004	Nữ	Kinh	7.8	8.2	6.8	Giỏi
111	9/11	Nguyễn Quang Hiếu	19/02/2004	Nam	Kinh	6.5	8	5.3	Khá
112	9/11	Nguyễn Quỳnh Như	30/03/2004	Nữ	Kinh	8.3	8.8	7.1	Giỏi
113	9/11	Nguyễn Thanh Vy	24/05/2004	Nữ	Kinh	6.4	8.3	7.5	Khá
114	9/11	Nguyễn Trần Tú Anh	18/04/2004	Nữ	Kinh	7.5	8	7.1	Giỏi
115	9/11	Nguyễn Tuấn Anh	20/10/2004	Nam	Kinh	5.5	6.4	5	Trung bình
116	9/11	Nguyễn Tuấn Kiệt	05/11/2004	Nam	Kinh	6.9	7.4	6.4	Khá

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
117	9/11	Nguyễn Tường Vy	29/06/2004	Nữ	Kinh	8.3	8.1	8.5	Giỏi
118	9/11	Nguyễn Văn An Nguyên	05/02/2004	Nam	Kinh	6.3	7.2	6.1	Khá
119	9/11	Nguyễn Vũ Minh Tâm	12/04/2004	Nữ	Kinh	7	8.5	8.2	Giỏi
120	9/11	Phạm Hoàng Khánh Linh	05/08/2004	Nữ	Kinh	5.6	6.7	5.2	Trung bình
121	9/11	Phạm Huy Hoàng	14/08/2004	Nam	Kinh	6.4	8	7	Khá
122	9/11	Phạm Minh Thư	29/09/2004	Nữ	Kinh	6	8	7.3	Khá
123	9/11	Phạm Nguyễn Gia Bảo	07/03/2004	Nam	Kinh	5.4	6.7	6.2	Khá
124	9/11	Trần Gia Bảo	31/05/2004	Nam	Kinh	5.8	6.3	6.3	Trung bình
125	9/11	Trần Nhật Huy	19/08/2004	Nam	Kinh	6	7.1	6.1	Khá
126	9/11	Trần Nhật Thy	06/07/2004	Nam	Kinh	5.4	7.2	4.9	Trung bình
127	9/11	Vũ Nguyễn Quốc Khánh	01/09/2004	Nam	Kinh	5	6	4.9	Trung bình
128	9/11	Vũ Thị Thanh Hằng	25/11/2004	Nữ	Kinh	6.7	8	8.3	Giỏi
129	9/12	Bùi Lê Đức Hiếu	11/11/2004	Nam	Kinh	6.5	8.6	6.7	Khá
130	9/12	Bùi Lê Đức Huy	11/11/2004	Nam	Kinh	6	9	8	Khá
131	9/12	Bùi Ngọc Mỹ Duyên	30/09/2004	Nữ	Kinh	5.5	6.9	5.8	Khá
132	9/12	Chương Hoàng Thùy An	02/01/2004	Nữ	Kinh	6.7	8.1	7.7	Khá
133	9/12	Đỗ Minh Duy	07/05/2004	Nam	Kinh	7.5	8.7	7.6	Giỏi
134	9/12	Đỗ Ngọc Tường Vy	13/08/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.8	7	Giỏi
135	9/12	Hồ Ngọc Hiếu	25/10/2004	Nữ	Kinh	6.2	7.7	5.9	Khá
136	9/12	Hoàng Minh Huy	19/10/2004	Nam	Kinh	7.3	8.5	8.5	Giỏi
137	9/12	Hoàng Minh Nguyệt	18/01/2004	Nữ	Kinh	6.7	8	8.8	Giỏi
138	9/12	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	23/10/2004	Nữ	Kinh	6.8	8.2	7	Giỏi
139	9/12	Lê Hoàng Lan Anh	01/06/2004	Nữ	Kinh	7	7.6	5.6	Khá
140	9/12	Lê Minh Hiếu	29/09/2004	Nam	Kinh	7.2	8.6	7.6	Giỏi
141	9/12	Lê Nguyễn Phương Uyên	29/01/2004	Nữ	Kinh	6.9	8.8	6.9	Giỏi
142	9/12	Lê Quỳnh Tuệ Như	10/02/2004	Nữ	Kinh	7.2	9.4	8.5	Giỏi
143	9/12	Lê Vũ Hoàng Thiên	10/07/2004	Nam	Kinh	5.5	6.5	4.8	Trung bình
144	9/12	Lý Thị Thuý Linh	14/10/2004	Nữ	Kinh	5.5	7	5	Khá
145	9/12	Nguyễn Anh Tuấn	14/01/2004	Nam	Kinh	4.6	8	4.9	Trung bình
146	9/12	Nguyễn Đình Nam	08/09/2004	Nam	Kinh	7.1	9.3	9.7	Giỏi
147	9/12	Nguyễn Hoàng Bảo Duy	20/08/2004	Nam	Kinh	5.8	7.1	5.7	Khá
148	9/12	Nguyễn Hoàng Gia Hân	31/07/2004	Nữ	Kinh	7	8.9	8.1	Giỏi
149	9/12	Nguyễn Hồng Phúc	01/03/2002	Nam	Kinh	7.2	8.1	7.9	Giỏi
150	9/12	Nguyễn Lam Đình	14/06/2004	Nữ	Kinh	6.5	8.2	6.8	Khá
151	9/12	Nguyễn Ngọc Minh Châu	12/01/2004	Nữ	Kinh	5	5.1	5	Trung bình
152	9/12	Nguyễn Thành Tài	04/12/2004	Nam	Kinh	6.1	7.1	6.2	Khá
153	9/12	Nguyễn Thị Ngọc An	15/04/2004	Nữ	Kinh	7.1	7.8	6.2	Khá
154	9/12	Nguyễn Thiên Thanh	11/11/2004	Nữ	Kinh	7.1	7.5	6.5	Khá
155	9/12	Nguyễn Trọng Tâm	07/04/2004	Nam	Kinh	6.4	6.6	7.1	Khá
156	9/12	Nguyễn Tuấn Anh	03/01/2004	Nam	Kinh	6.7	7.7	6.1	Khá
157	9/12	Nguyễn Uyên Đình	14/06/2004	Nữ	Kinh	6	7.7	5.3	Khá
158	9/12	Nguyễn Vũ Ngọc Ân	10/09/2004	Nữ	Kinh	6.5	8.1	6	Khá
159	9/12	Nguyễn Vũ Xuân Mai	16/01/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.6	7.3	Giỏi
160	9/12	Phạm Gia Kiệt	29/06/2004	Nam	Kinh	5.9	8	5.4	Khá
161	9/12	Phạm Hoàng Ngọc Linh	26/07/2004	Nữ	Kinh	6.8	8.7	8.8	Giỏi
162	9/12	Quách Gia Bảo	12/05/2004	Nam	Mường	6.2	7.7	4.9	Trung bình
163	9/12	Trần Đình Giàu	20/09/2004	Nam	Kinh	7.5	9	8.6	Giỏi
164	9/12	Trần Quang Long	15/03/2004	Nam	Kinh	5.4	7.3	6.7	Khá
165	9/12	Trịnh Khã Vân	05/05/2004	Nữ	Kinh	5.6	7.5	4.8	Trung bình
166	9/12	Trương Tấn Sang	15/10/2004	Nam	Kinh	5.9	7.3	6.8	Khá
167	9/12	Trương Thanh Ngân	03/11/2004	Nữ	Kinh	5.9	8	6.1	Khá
168	9/12	Võ Thị Thùy Linh	06/04/2004	Nữ	Kinh	6.3	7.7	5.1	Khá
169	9/12	Vương Đức Quỳnh Phương	09/01/2004	Nữ	Kinh	6.7	7.4	6.7	Khá
170	9/13	Chu Ngọc Linh	22/01/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.9	6.5	Giỏi
171	9/13	Đặng Hồ Trúc Anh	23/03/2003	Nữ	Kinh	6.4	8.4	4.5	Trung bình
172	9/13	Đào Thế Hiển	06/05/2004	Nam	Kinh	6.2	7.2	6	Khá
173	9/13	Đinh Gia Mẫn	05/08/2004	Nữ	Kinh	5.9	7.7	7.6	Khá
174	9/13	Hoàng Thị Kim Quyên	21/04/2004	Nữ	Kinh	5.8	7.5	5.2	Khá
175	9/13	Lê Hoàng Bội Nhi	08/02/2004	Nữ	Kinh	6	7.6	5.3	Khá
176	9/13	Lê Như Minh Ngọc	22/10/2004	Nữ	Kinh	8.1	9	9.1	Giỏi
177	9/13	Ngô Kiến Hào	07/04/2004	Nam	Kinh	3.9	7.5	6.6	Trung bình

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
178	9/13	Nguyễn Gia Hân	21/09/2004	Nữ	Kinh	7.2	8	8.1	Giỏi
179	9/13	Nguyễn Hoàng Khánh Vy	07/10/2004	Nữ	Kinh	6.6	7.7	7.9	Khá
180	9/13	Nguyễn Huy Phú	04/06/2004	Nam	Kinh	4.8	7	5.6	Trung bình
181	9/13	Nguyễn Ngọc Hoàng Thy	16/03/2004	Nữ	Kinh	5.7	7.7	5	Khá
182	9/13	Nguyễn Ngọc Lan Anh	28/04/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.8	6.5	Giỏi
183	9/13	Nguyễn Ngọc Tường Vi	03/04/2004	Nữ	Kinh	7.6	8.8	7.8	Giỏi
184	9/13	Nguyễn Quỳnh Như	18/01/2004	Nữ	Kinh	6.2	6.7	5.4	Khá
185	9/13	Nguyễn Trần Gia Bảo	18/03/2004	Nam	Kinh	5.2	5.6	4.1	Trung bình
186	9/13	Nguyễn Trần Khánh Ngân	21/09/2004	Nữ	Kinh	7.7	8.1	8.4	Giỏi
187	9/13	Nguyễn Vũ Bảo Trân	20/03/2004	Nữ	Kinh	6.4	8.5	6.7	Khá
188	9/13	Phạm Đăng Sáng	27/01/2004	Nam	Kinh	5.6	7.6	5.8	Khá
189	9/13	Phạm Duy Hiếu	03/05/2004	Nam	Kinh	5.8	8	6.9	Khá
190	9/13	Phạm Hoàng Yến Nhi	10/03/2003	Nữ	Kinh	6.5	8.5	7	Giỏi
191	9/13	Phạm Quốc An	21/05/2004	Nam	Kinh	5.3	6.1	4.5	Trung bình
192	9/13	Phạm Thị Thu Thảo	07/01/2004	Nữ	Kinh	6.4	8.3	4.6	Trung bình
193	9/13	Phạm Viết Lợi	18/11/2004	Nam	Kinh	4.1	6.2	5.4	Trung bình
194	9/13	Phạm Vũ Phương Thảo	07/04/2004	Nữ	Kinh	7.3	9.3	7.3	Giỏi
195	9/13	Phan Đăng Quỳnh Như	15/11/2004	Nữ	Kinh	7.4	9.7	8.4	Giỏi
196	9/13	Thân Hoàng Đình Nguyên	05/10/2004	Nam	Kinh	4.8	7	4.2	Trung bình
197	9/13	Thân Nhật Minh	16/09/2004	Nam	Kinh	5.4	8.4	7.3	Khá
198	9/13	Trần Đình Đăng Khoa	20/07/2004	Nam	Kinh	6	7.1	7.2	Khá
199	9/13	Trần Hoàng Nhi	06/11/2004	Nữ	Kinh	5.4	6.9	5.3	Khá
200	9/13	Trần Khánh Linh	18/10/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.5	6.8	Giỏi
201	9/13	Trần Lê Thành	14/05/2004	Nam	Kinh	5.8	8.2	7.4	Khá
202	9/13	Trần Mỹ Duyên	16/09/2004	Nữ	Kinh	7.2	8.4	7.1	Giỏi
203	9/13	Trần Ngọc Như Ý	08/03/2004	Nữ	Kinh	7.2	8.3	7.4	Giỏi
204	9/13	Trần Ngọc Tường Vy	03/09/2004	Nữ	Kinh	6.9	5.8	8.1	Khá
205	9/13	Trần Quốc Huy	12/03/2002	Nam	Kinh	4.4	5.1	4.3	Trung bình
206	9/13	Trần Tấn Phát	05/09/2004	Nam	Kinh	5	7.3	4.3	Trung bình
207	9/13	Trần Thị Ngọc Linh	25/07/2003	Nữ	Kinh	5.2	5.7	4.2	Trung bình
208	9/13	Trần Thụy Tường Vân	22/03/2004	Nữ	Kinh	6.7	8	6.4	Khá
209	9/13	Trần Tiến Thành	06/07/2004	Nam	Kinh	5.9	7.7	5.2	Khá
210	9/13	Võ Nguyễn Thu Hương	21/05/2004	Nữ	Kinh	5.7	7.7	5	Khá
211	9/13	Vũ Tấn Đức	28/06/2004	Nam	Kinh	6.8	8.3	7.4	Giỏi
212	9/14	Chu Kim Ngọc	13/08/2004	Nữ	Kinh	6.8	7.4	6.1	Khá
213	9/14	Đặng Thị Bảo Ngọc	10/07/2004	Nữ	Kinh	6.2	4.7	5.7	Trung bình
214	9/14	Đặng Trần Uyên Nhi	08/11/2004	Nữ	Kinh	7.2	7.6	5.2	Khá
215	9/14	Đào Huy Hoàng	14/07/2004	Nam	Kinh	5.3	6.3	5.1	Trung bình
216	9/14	Đinh Quang Nhật	26/01/2004	Nam	Kinh	6.6	7.9	5.8	Khá
217	9/14	Đồng Thị Trúc Ân	21/05/2004	Nữ	Kinh	6.5	7.5	4.1	Trung bình
218	9/14	Đồng Tuệ Nghi	12/07/2004	Nữ	Kinh	5.5	4.7	5	Trung bình
219	9/14	Dương Nguyễn Quốc Nhật	11/05/2004	Nam	Kinh	5.7	6.1	5.6	Trung bình
220	9/14	Hà Hữu Chinh	25/01/2004	Nam	Kinh	7	8.2	5.6	Khá
221	9/14	Hoàng Gia Bảo	19/10/2004	Nam	Kinh	7.3	8.9	6.7	Giỏi
222	9/14	Huỳnh Ngọc Giang	14/07/2004	Nam	Kinh	6.2	7.3	7.3	Khá
223	9/14	Huỳnh Trọng Hiếu	24/04/2003	Nam	Kinh	5.8	5.9	4.5	Trung bình
224	9/14	Lê Nguyễn Duy Hoàng	27/04/2004	Nam	Kinh	6.9	8.6	7.2	Giỏi
225	9/14	Lê Thị Minh Thư	07/06/2004	Nữ	Kinh	5.1	4.4	3.8	Trung bình
226	9/14	Lê Vũ Gia Huân	08/06/2004	Nam	Kinh	7.3	8.6	7.4	Giỏi
227	9/14	Mai Ngọc Bảo Hân	04/10/2004	Nữ	Kinh	6.4	7.7	5.5	Khá
228	9/14	Ngô Hoàng Phúc	02/05/2004	Nam	Kinh	7.1	8.4	6.5	Giỏi
229	9/14	Nguyễn Đình Huy	31/05/2004	Nam	Kinh	7.5	9.3	8.1	Giỏi
230	9/14	Nguyễn Đức Nguyên	20/12/2004	Nam	Kinh	7	8	8.5	Khá
231	9/14	Nguyễn Hưng Quốc	21/09/2004	Nam	Kinh	6.9	8	6	Khá
232	9/14	Nguyễn Kim Thư	19/01/2004	Nữ	Kinh	8	8.9	8.3	Giỏi
233	9/14	Nguyễn Lê Thanh Hằng	22/03/2004	Nữ	Kinh	8.4	9.7	8.7	Giỏi
234	9/14	Nguyễn Ngọc Bảo Anh	27/11/2004	Nữ	Kinh	6.6	7.1	4.9	Trung bình
235	9/14	Nguyễn Ngọc Hiếu	01/07/2004	Nam	Kinh	7.7	8.9	8.1	Giỏi
236	9/14	Nguyễn Phạm Ngọc Vân	02/05/2004	Nữ	Kinh	7.9	8.9	7.6	Giỏi
237	9/14	Nguyễn Thanh Nhã	15/04/2004	Nam	Kinh	6.1	6.4	4.2	Trung bình
238	9/14	Nguyễn Thảo Vy	26/08/2003	Nữ	Kinh	7.7	8	7.1	Giỏi

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
239	9/14	Nguyễn Trương Nhi Thảo	01/07/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.3	6.6	Giỏi
240	9/14	Phạm Chu Thụy	01/10/2004	Nữ	Kinh	7.8	8.9	8.6	Giỏi
241	9/14	Phạm Hồng Thanh Trúc	25/09/2004	Nữ	Kinh	7	8.9	6.2	Khá
242	9/14	Phạm Minh Quốc Cường	20/03/2004	Nam	Kinh	5.7	7.2	5.2	Khá
243	9/14	Tăng Ngọc Bích Trâm	27/11/2004	Nữ	Hoa	6.6	7.2	6.8	Khá
244	9/14	Thái Bình Tân Xuân	20/12/2004	Nữ	Kinh	5.1	6.5	3.8	Trung bình
245	9/14	Tô Hoàng Khang	09/11/2004	Nam	Kinh	5	5.9	4.5	Trung bình
246	9/14	Trần Đỗ Tường Vy	21/06/2004	Nữ	Kinh	5.6	7.9	5.6	Khá
247	9/14	Trần Phương Nghi	14/06/2004	Nữ	Hoa	7.1	8.5	7.9	Giỏi
248	9/14	Trần Phương Uyên	25/04/2004	Nữ	Kinh	6.6	7	8.3	Khá
249	9/14	Trần Thùy Trang	22/07/2004	Nữ	Kinh	7.7	7.8	5	Khá
250	9/14	Trương Mỹ Ngọc	22/12/2004	Nữ	Kinh	8.1	9.1	9.6	Giỏi
251	9/14	Võ Thành Đạt	31/08/2004	Nam	Kinh	5.9	6.5	6	Khá
252	9/14	Võ Thị Yến Linh	03/10/2004	Nữ	Kinh	7	7.3	5.4	Khá
253	9/14	Vũ Đỗ Quốc Khang	31/12/2004	Nam	Kinh	7.7	9.1	8.3	Giỏi
254	9/15	Bùi Ngọc Mỹ Trâm	20/09/2004	Nữ	Kinh	7.7	8.2	7.2	Giỏi
255	9/15	Chu Quang Lê Huy	09/02/2004	Nam	Kinh	6.5	9.7	8.1	Khá
256	9/15	Đỗ Mai Phương	06/05/2004	Nữ	Kinh	6.7	8.7	8.5	Giỏi
257	9/15	Đoàn Gia Bảo	18/08/2004	Nam	Kinh	5.2	5.7	4.5	Trung bình
258	9/15	Dương Đại Tôn	20/08/2004	Nam	Kinh	5.7	8.1	5.3	Khá
259	9/15	Hà Xuân Mai	05/11/2004	Nữ	Kinh	7.5	9.7	8.7	Giỏi
260	9/15	Hồ Phúc Thịnh	04/03/2004	Nam	Kinh	5.1	6.8	5.4	Khá
261	9/15	Hứa Ngọc Quỳnh Như	09/01/2004	Nữ	Kinh	7.2	8.2	6.6	Giỏi
262	9/15	Huỳnh Tấn Tới	11/09/2004	Nam	Kinh	5.8	7.2	5.4	Khá
263	9/15	Kiều Hà My	30/06/2004	Nữ	Kinh	7.5	7.8	6.4	Khá
264	9/15	Lâm Mỹ Diên	04/04/2004	Nữ	Kinh	8.2	9.4	6.5	Giỏi
265	9/15	Lâm Văn Đạt	01/11/2004	Nam	Kinh	7.1	8.4	6.8	Giỏi
266	9/15	Lê Ánh Như	19/08/2004	Nữ	Hoa	6.3	7.4	5.5	Khá
267	9/15	Lê Hoàng Thanh Trúc	04/03/2004	Nữ	Kinh	7.7	8.8	8.2	Giỏi
268	9/15	Lữ Thị Xuân Thảo	19/02/2004	Nữ	Kinh	8.2	9	8.4	Giỏi
269	9/15	Nguyễn Đắc Nhân Tâm	02/03/2004	Nam	Kinh	5.4	6.7	5.4	Khá
270	9/15	Nguyễn Đăng Khôi	15/10/2003	Nam	Kinh	6.1	6.8	4.5	Trung bình
271	9/15	Nguyễn Đình Trung	09/05/2004	Nam	Kinh	6.7	7.8	5.3	Khá
272	9/15	Nguyễn Hoàng Yến	11/07/2004	Nữ	Kinh	6.3	8.6	7	Khá
273	9/15	Nguyễn Hồng Phát	14/11/2004	Nam	Kinh	6.5	7.8	6.8	Khá
274	9/15	Nguyễn Minh Quân	17/12/2004	Nam	Kinh	6.4	7.5	5.2	Khá
275	9/15	Nguyễn Ngô Tuyết Ngân	15/04/2004	Nữ	Kinh	6.3	7.8	6.6	Khá
276	9/15	Nguyễn Ngọc Thùy	26/10/2004	Nữ	Kinh	6.4	5.5	4.3	Trung bình
277	9/15	Nguyễn Ngọc Xuân Mai	06/07/2004	Nữ	Kinh	6.9	9.2	8.2	Giỏi
278	9/15	Nguyễn Nhật An An	10/12/2004	Nữ	Kinh	5.6	7.1	4.4	Trung bình
279	9/15	Nguyễn Phạm Anh Đào	18/01/2004	Nữ	Kinh	6.7	6.8	6	Khá
280	9/15	Nguyễn Quốc Đạt	24/06/2004	Nam	Kinh	5.9	7.4	5.7	Khá
281	9/15	Nguyễn Thị Thuý Tiên	13/03/2004	Nữ	Kinh	7.4	9	7.2	Giỏi
282	9/15	Nguyễn Trường Minh Khoa	19/10/2004	Nam	Kinh	6.2	6.8	5.3	Khá
283	9/15	Nguyễn Văn Đạt	19/09/2003	Nam	Kinh	5.8	6.8	6.8	Khá
284	9/15	Nguyễn Vũ Thanh Thảo	09/11/2004	Nữ	Kinh	6.9	7	4.4	Trung bình
285	9/15	Phạm Hồng Ánh Linh	06/02/2004	Nữ	Kinh	6.5	7.4	8	Khá
286	9/15	Phạm Trung Hiếu	16/05/2004	Nam	Kinh	6.2	9.5	6.9	Khá
287	9/15	Phan Quốc Bảo	27/06/2004	Nam	Kinh	7.2	8.6	6	Khá
288	9/15	Tăng Vĩ Huy	26/11/2004	Nam	Hoa	5.3	6	4.7	Trung bình
289	9/15	Trần Gia Điền	03/04/2004	Nam	Kinh	6.7	7	7.8	Khá
290	9/15	Trần Lưu Khanh	26/08/2004	Nữ	Kinh	7.4	9.3	8.1	Giỏi
291	9/15	Trần Mai Quỳnh	07/10/2004	Nữ	Kinh	6.8	7.3	6.4	Khá
292	9/15	Trương Nguyễn Toàn Thắng	30/04/2004	Nam	Kinh	6.6	8.3	6.8	Giỏi
293	9/15	Vũ Ngọc Mai Dung	16/07/2004	Nữ	Kinh	8.1	9.4	9.1	Giỏi
294	9/15	Vũ Nhật Minh	06/02/2004	Nam	Kinh	7.2	8.7	7.8	Giỏi
295	9/15	Vũ Tuyết Ngọc	28/04/2004	Nữ	Kinh	6.3	7.3	5.5	Khá
296	9/2	Bùi Hồng Thanh Ngân	29/11/2004	Nữ	Kinh	7.7	8.2	7.3	Giỏi
297	9/2	Chu Khánh Linh	27/08/2004	Nữ	Kinh	7.6	8.5	7.1	Giỏi
298	9/2	Đặng Khải Vy	16/12/2004	Nữ	Kinh	8.2	9.2	9.5	Giỏi
299	9/2	Đặng Ngọc Thịnh An	17/01/2004	Nam	Kinh	7.4	9.2	9.3	Giỏi

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
300	9/2	Đào Phương Thảo	24/11/2004	Nữ	Kinh	7.1	7.5	6.3	Khá
301	9/2	Đinh Nguyễn Ngọc Châu	01/01/2004	Nữ	Kinh	6.6	7.4	7.1	Khá
302	9/2	Đỗ Phạm Quang Vinh	25/10/2004	Nam	Kinh	4.8	5.6	6.1	Trung bình
303	9/2	Đỗ Phương Thảo Nguyên	05/05/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.6	8.5	Giỏi
304	9/2	Đỗ Yến Quỳnh	20/06/2004	Nữ	Kinh	7.4	6.5	5.7	Khá
305	9/2	Hồ Hữu Tiến	08/01/2004	Nam	Kinh	8.2	8.7	8	Giỏi
306	9/2	Lê Hoàng Như Thủy	09/10/2004	Nữ	Kinh	8.6	9.1	9.2	Giỏi
307	9/2	Lê Ngọc Minh Duy	28/08/2004	Nam	Kinh	7.9	8.4	7.1	Giỏi
308	9/2	Lê Nguyễn Anh Thư	08/02/2004	Nữ	Kinh	6.6	7.3	6.5	Khá
309	9/2	Lê Thị Bích Hà	15/08/2004	Nữ	Kinh	6.5	6.4	5.5	Khá
310	9/2	Lê Thị Kim Ngân	26/07/2004	Nữ	Kinh	7.7	8	7.6	Giỏi
311	9/2	Ngô Ngọc Linh	28/05/2004	Nữ	Kinh	7.5	7.1	6.8	Khá
312	9/2	Ngô Thanh Hiền	02/11/2004	Nam	Kinh	5	6	5.2	Trung bình
313	9/2	Nguyễn Anh Quân	03/11/2004	Nam	Kinh	6.9	6.9	6.7	Khá
314	9/2	Nguyễn Bình Nguyên	25/09/2004	Nam	Kinh	7.4	9.1	7.2	Giỏi
315	9/2	Nguyễn Đình Khánh Duy	21/05/2004	Nam	Kinh	4.7	5	4.6	Trung bình
316	9/2	Nguyễn Hoàng Minh Thông	04/01/2004	Nam	Kinh	6.7	8.1	6.9	Giỏi
317	9/2	Nguyễn Hữu Thắng	29/01/2004	Nam	Kinh	6.4	6.2	5.8	Trung bình
318	9/2	Nguyễn Lê Nam Khánh	22/09/2004	Nam	Kinh	5.5	5	4.5	Trung bình
319	9/2	Nguyễn Mạnh Chính	12/10/2004	Nam	Kinh	7.1	7.1	6.5	Khá
320	9/2	Nguyễn Minh Triết	01/01/2004	Nam	Kinh	7.5	7.2	6.2	Khá
321	9/2	Nguyễn Ngọc Minh Hiếu	16/01/2004	Nữ	Kinh	6.5	8.3	6.8	Khá
322	9/2	Nguyễn Ngọc Phương	06/05/2004	Nữ	Kinh	7.7	7.3	7.1	Khá
323	9/2	Nguyễn Phan Nhật Tân	01/07/2004	Nam	Kinh	7.4	6.7	5.6	Khá
324	9/2	Nguyễn Phương Ngọc Hân	25/02/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.1	6.5	Khá
325	9/2	Nguyễn Quách Thanh Thảo	24/06/2004	Nữ	Kinh	5.3	6.1	4.9	Trung bình
326	9/2	Nguyễn Quỳnh Như	19/02/2004	Nữ	Kinh	7.7	9.6	9.3	Giỏi
327	9/2	Nguyễn Thu Hương	26/09/2004	Nữ	Kinh	8	7.5	9.6	Giỏi
328	9/2	Nguyễn Trịnh Bảo Tín	18/10/2004	Nam	Kinh	7.4	7.7	6.9	Khá
329	9/2	Nguyễn Viết Anh Huy	29/10/2004	Nam	Kinh	7.9	8	7.7	Giỏi
330	9/2	Phạm Đăng Dương	18/11/2004	Nam	Kinh	6.5	6.4	8.1	Khá
331	9/2	Phạm Đỗ Tấn Lộc	04/01/2004	Nam	Kinh	5.9	5	5.1	Trung bình
332	9/2	Phan Huỳnh Cẩm Hiền	03/06/2004	Nữ	Kinh	7.1	6.5	5.9	Khá
333	9/2	Phan Huỳnh Ngân	23/09/2004	Nữ	Kinh	5.8	5.2	4	Trung bình
334	9/2	Tổng Thị Thanh Thảo	18/01/2004	Nữ	Kinh	6.3	5.1	4.4	Trung bình
335	9/2	Trần Đình Nhân	20/06/2004	Nam	Kinh	7.8	9.5	9.1	Giỏi
336	9/2	Trần Hải Nam	16/05/2004	Nam	Kinh	7.6	7.5	7.4	Khá
337	9/2	Trần Minh Tùng	19/03/2004	Nam	Kinh	7.2	7.8	9	Khá
338	9/2	Trần Ngọc Mai	23/01/2004	Nữ	Kinh	8.4	8.6	8.5	Giỏi
339	9/2	Trần Ngọc Thanh Tú	23/12/2004	Nữ	Kinh	7.7	7.8	7.5	Khá
340	9/2	Trương Bình Minh	03/07/2004	Nam	Kinh	7.5	9.8	8.8	Giỏi
341	9/2	Trương Lê Duy Tân	11/05/2004	Nam	Kinh	6.2	7.7	7	Khá
342	9/3	Cao Nguyễn Tường Vy	12/11/2004	Nữ	Kinh	6.7	7.5	7.1	Khá
343	9/3	Đặng Hà Quỳnh Như	30/06/2004	Nữ	Kinh	7.3	8	8	Giỏi
344	9/3	Đỗ Thanh Đại	07/07/2004	Nam	Kinh	5.5	7.1	6.6	Khá
345	9/3	Đoàn Văn Huy	01/10/2004	Nam	Kinh	6.7	8.1	6.7	Giỏi
346	9/3	Hồ Ngọc Bảo Long	06/11/2004	Nam	Kinh	6.2	7.8	7.4	Khá
347	9/3	Hồ Trọng Tuệ	05/06/2004	Nam	Kinh	6.9	8	7.2	Giỏi
348	9/3	Huỳnh Lê Trung Tín	13/06/2004	Nam	Kinh	5.8	6.9	5	Khá
349	9/3	Huỳnh Phương Thy	14/05/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.3	7.2	Giỏi
350	9/3	Lê Hữu Quốc	11/02/2004	Nam	Kinh	7	8.1	7.3	Giỏi
351	9/3	Lê Thị Thu Thảo	30/12/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.8	8.6	Giỏi
352	9/3	Lê Thị Tường Ly	07/12/2004	Nữ	Kinh	8	9.4	8	Giỏi
353	9/3	Lưu Nguyễn Quốc Hùng	02/06/2004	Nam	Kinh	5.8	6.9	5.8	Khá
354	9/3	Nguyễn Anh Khoa	25/08/2004	Nam	Kinh	7.1	8.4	7.8	Giỏi
355	9/3	Nguyễn Bá Triệu	13/04/2004	Nam	Kinh	8.6	9.3	9.1	Giỏi
356	9/3	Nguyễn Bảo An	13/12/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.9	7.8	Giỏi
357	9/3	Nguyễn Đình Gia Huy	05/05/2004	Nam	Kinh	5.5	7.8	6.6	Khá
358	9/3	Nguyễn Đỗ Quỳnh Thy	31/10/2004	Nữ	Kinh	7.2	8	6.5	Giỏi
359	9/3	Nguyễn Duy Khôi	05/11/2004	Nam	Kinh	5.2	5.6	4.9	Trung bình
360	9/3	Nguyễn Hoàng Ân	11/02/2004	Nam	Kinh	5.8	7.3	5.2	Khá

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
361	9/3	Nguyễn Hoàng Long	31/01/2004	Nam	Kinh	5.6	7.5	6.6	Khá
362	9/3	Nguyễn Minh Triết	10/11/2004	Nam	Kinh	7	7.5	6.9	Khá
363	9/3	Nguyễn Ngọc Phương	08/12/2004	Nữ	Kinh	7.1	7.5	6.9	Khá
364	9/3	Nguyễn Quốc Huy	08/06/2004	Nam	Kinh	6.7	6.8	6.4	Khá
365	9/3	Nguyễn Tấn Duy	02/01/2004	Nam	Kinh	7	8.9	8.1	Giỏi
366	9/3	Nguyễn Thị Hồng Anh	17/05/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.4	7.3	Giỏi
367	9/3	Nguyễn Thị Khánh Linh	29/05/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.8	7.9	Giỏi
368	9/3	Nguyễn Trương Nhật	14/09/2004	Nam	Kinh	5.9	7.2	6	Khá
369	9/3	Nguyễn Vũ Hoàng Kim	05/03/2004	Nữ	Kinh	7.9	9.2	7.4	Giỏi
370	9/3	Phạm Nguyên Kiệt	07/09/2004	Nam	Kinh	7	8.1	6.7	Giỏi
371	9/3	Phạm Quốc Hưng	10/02/2004	Nam	Kinh	7.1	8.1	8.1	Giỏi
372	9/3	Phạm Thị Như Quỳnh	14/05/2004	Nữ	Kinh	5.7	6.8	5.8	Khá
373	9/3	Phan Mỹ Tú	18/12/2004	Nữ	Kinh	6.1	7.6	5.7	Khá
374	9/3	Phan Như Quỳnh	08/07/2004	Nữ	Kinh	8.3	8.8	8	Giỏi
375	9/3	Thân Ý An	03/02/2004	Nữ	Kinh	6.7	8.1	5.7	Khá
376	9/3	Tôn Nữ Hồng Ân	08/06/2004	Nữ	Kinh	7.1	8	7	Giỏi
377	9/3	Trần Hoàng Phương An	28/08/2004	Nữ	Kinh	6.5	8	6.5	Giỏi
378	9/3	Trần Minh Khoa	28/02/2004	Nam	Kinh	7.1	7.5	7.2	Khá
379	9/3	Trần Thành Nhân	02/02/2004	Nam	Kinh	5.7	6.7	5.5	Khá
380	9/3	Trịnh Tấn Lộc	09/10/2004	Nam	Kinh	5.3	6.7	5.7	Khá
381	9/3	Trương Minh Hương	29/09/2004	Nữ	Kinh	8.2	8.3	8.9	Giỏi
382	9/3	Trương Ngọc Linh	02/12/2004	Nữ	Kinh	6.5	8.1	6.7	Giỏi
383	9/3	Viên Thị Thảo My	15/01/2004	Nữ	Kinh	7.6	8.3	7.2	Giỏi
384	9/3	Võ Lê Phương Anh	12/09/2003	Nữ	Kinh	7.3	8.2	6.9	Giỏi
385	9/3	Võ Nguyễn Hoàng Nhi	04/06/2004	Nữ	Kinh	7.6	8.8	6.9	Giỏi
386	9/3	Võ Tấn Lực	02/12/2004	Nam	Kinh	5.5	7.1	6.5	Khá
387	9/3	Vũ Ngọc Ngân Anh	06/02/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.5	8.7	Giỏi
388	9/3	Vũ Quốc Bảo	28/01/2004	Nam	Kinh	7	8.1	7.9	Giỏi
389	9/4	Bùi Quỳnh Anh	13/09/2004	Nữ	Kinh	7.1	8.4	7.1	Giỏi
390	9/4	Bùi Tấn Phú	29/08/2004	Nam	Kinh	5.6	8.3	6.7	Khá
391	9/4	Bùi Trần Gia Bảo	31/08/2004	Nam	Kinh	5.1	7.1	5.8	Khá
392	9/4	Bùi Xuân Khang	03/01/2004	Nam	Kinh	6	7.3	6.9	Khá
393	9/4	Đinh Thị Thủy Tiên	27/03/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.9	7.7	Giỏi
394	9/4	Đỗ Hoàng Thiên Phú	01/06/2004	Nam	Kinh	5.9	8.1	7.6	Khá
395	9/4	Đỗ Phạm Anh Mỹ	28/07/2004	Nam	Kinh	6.5	8.1	6.7	Giỏi
396	9/4	Đỗ Phan Đức Trung	23/06/2004	Nam	Kinh	7.1	8.5	8.3	Giỏi
397	9/4	Đỗ Trần Phúc Lâm	11/01/2004	Nam	Kinh	8.2	9.5	8.4	Giỏi
398	9/4	Dương Hải Anh	14/11/2004	Nữ	Kinh	6.2	7.6	8.1	Khá
399	9/4	Dương Nguyễn Khánh Linh	16/08/2004	Nữ	Kinh	6.5	7	5.7	Khá
400	9/4	Dương Thuận Phát	05/11/2004	Nam	Kinh	6.2	7.6	7.3	Khá
401	9/4	Hồ Huỳnh Tuyết Như	09/04/2004	Nữ	Kinh	7.7	7.4	7	Khá
402	9/4	Hồ Viêt Khai Hoàn	03/06/2004	Nam	Kinh	7	8.3	8.9	Giỏi
403	9/4	Hoàng Lê Thúy Quỳnh	14/04/2004	Nữ	Kinh	6.9	8.4	7.8	Giỏi
404	9/4	Huỳnh Hạnh Nguyên	19/10/2004	Nữ	Kinh	5	6.8	5.5	Khá
405	9/4	Lâm Bảo Ngọc	28/11/2004	Nữ	Kinh	7	8.5	6.9	Giỏi
406	9/4	Lê Đỗ Khánh Linh	11/04/2004	Nữ	Kinh	5.5	6.6	6.2	Khá
407	9/4	Lê Hà Minh Châu	12/09/2004	Nữ	Kinh	8	8.6	8.6	Giỏi
408	9/4	Lê Huỳnh Anh	08/06/2004	Nam	Kinh	5.4	6.1	5.4	Trung bình
409	9/4	Lê Mai Vĩnh Hưng	27/04/2004	Nam	Kinh	6.7	8.1	6.5	Giỏi
410	9/4	Lê Nguyễn Minh Anh	17/05/2004	Nữ	Kinh	7.7	8	7.5	Giỏi
411	9/4	Lê Quốc Huy	26/02/2004	Nam	Kinh	5.6	6.5	8.7	Khá
412	9/4	Lương Thế Minh	13/08/2004	Nam	Kinh	5.6	7.9	6.7	Khá
413	9/4	Lý Bảo My	02/12/2004	Nữ	Kinh	7.9	9.7	9.2	Giỏi
414	9/4	Mai Quỳnh Vân	07/04/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.4	7.7	Giỏi
415	9/4	Mai Thanh Trúc	16/04/2004	Nữ	Kinh	7.1	6.1	4.7	Trung bình
416	9/4	Nguyễn Đình Minh Nhật	21/07/2004	Nam	Kinh	7.6	9.2	8.9	Giỏi
417	9/4	Nguyễn Đức Anh	24/01/2004	Nam	Kinh	6.8	8.1	5.9	Khá
418	9/4	Nguyễn Hồ Duy Khang	26/11/2004	Nam	Kinh	5.4	6.8	5.6	Khá
419	9/4	Nguyễn Hoàng Bảo Châu	03/08/2004	Nữ	Kinh	7.7	7.8	6	Khá
420	9/4	Nguyễn Hoàng Tuyết Nghi	16/03/2004	Nữ	Kinh	5.8	5.5	4.7	Trung bình
421	9/4	Nguyễn Hữu Phong	28/05/2004	Nam	Kinh	5.3	8.4	6	Khá

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
422	9/4	Nguyễn Huy Vũ	07/12/2004	Nam	Kinh	8	9.6	9.2	Giỏi
423	9/4	Nguyễn Kim Ngân	15/12/2004	Nữ	Kinh	7.8	8.4	7.8	Giỏi
424	9/4	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	06/05/2004	Nữ	Kinh	6.9	8.2	6.7	Giỏi
425	9/4	Nguyễn Quang Anh	04/03/2004	Nam	Kinh	5.4	7.6	6.3	Khá
426	9/4	Nguyễn Quang Huy	26/10/2004	Nam	Kinh	7.4	8.9	7.6	Giỏi
427	9/4	Nguyễn Thảo Như	11/11/2004	Nữ	Kinh	8.4	9.7	9.4	Giỏi
428	9/4	Phạm Thị Ngọc Thắm	06/07/2004	Nữ	Kinh	5.4	6.2	3.8	Trung bình
429	9/4	Phan Trần Ánh Nhi	20/05/2004	Nữ	Kinh	5.6	6.4	3.9	Trung bình
430	9/4	Tổng Mỹ Linh	13/11/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.2	7.5	Giỏi
431	9/4	Trần Anh Khoa	19/06/2004	Nam	Kinh	7.9	9.4	9.2	Giỏi
432	9/4	Trần Phúc Bình	02/11/2003	Nam	Kinh	6.5	7	6.6	Khá
433	9/4	Trần Quang Minh Thắng	07/07/2004	Nam	Kinh	7.2	8.5	7.9	Giỏi
434	9/4	Trần Vũ Ngọc Tú	09/02/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.5	6.8	Giỏi
435	9/4	Võ Phạm Phương Mai	03/03/2004	Nữ	Kinh	6.5	7.9	8.7	Khá
436	9/4	Vũ Ngọc Quỳnh Trang	30/10/2004	Nữ	Kinh	7.3	9.1	7.7	Giỏi
437	9/4	Vũ Trần Minh Tuấn	25/09/2004	Nam	Kinh	5	7.5	7	Khá
438	9/5	Bùi Lâm Hạnh Trinh	14/02/2004	Nữ	Kinh	7.7	7.7	7.9	Khá
439	9/5	Chung Thị Lan Ngọc	08/11/2004	Nữ	Kinh	6.9	8.1	7.7	Giỏi
440	9/5	Đặng Minh Khuê	04/05/2004	Nữ	Kinh	8	9	8.1	Giỏi
441	9/5	Đặng Thế Đình Khôi	12/05/2004	Nam	Kinh	7.5	8	7.8	Giỏi
442	9/5	Đinh Hoàng Tuấn	29/06/2004	Nam	Kinh	7.7	8.7	7.7	Giỏi
443	9/5	Đinh Tô Yến Nhi	22/10/2004	Nữ	Kinh	7.2	8	6.9	Giỏi
444	9/5	Đỗ Tuấn Anh	01/01/2004	Nam	Kinh	7.2	8.7	8.5	Giỏi
445	9/5	Dương Thảo Liên	27/02/2004	Nữ	Kinh	7.7	8.6	8.7	Giỏi
446	9/5	Hoàng Thủy Tiên	13/09/2004	Nữ	Kinh	7.6	8.9	8.1	Giỏi
447	9/5	Huỳnh Ngọc Anh Thy	25/02/2004	Nữ	Kinh	7.6	8.5	8.4	Giỏi
448	9/5	Huỳnh Thiên Bảo	16/08/2004	Nam	Kinh	7.5	8.4	7.5	Giỏi
449	9/5	Lê Hoàng Đức Thịnh	19/10/2004	Nam	Kinh	7.3	8.8	7.7	Giỏi
450	9/5	Lê Ngọc Thảo	17/10/2004	Nữ	Kinh	7.3	9.4	9.2	Giỏi
451	9/5	Lê Thủy Tiên	25/06/2004	Nữ	Kinh	7.9	9.1	7.7	Giỏi
452	9/5	Lê Trọng Khang	01/04/2004	Nam	Kinh	7.6	9.1	8.4	Giỏi
453	9/5	Lương Yến Bằng	28/11/2004	Nữ	Kinh	8.3	9.1	9.2	Giỏi
454	9/5	Lý Đông Hào	11/11/2004	Nam	Kinh	7.6	8.4	6.4	Khá
455	9/5	Ngô Nguyễn Anh Khoa	15/10/2004	Nam	Kinh	7.5	9.1	7.7	Giỏi
456	9/5	Ngô Thanh Vân	14/10/2004	Nữ	Kinh	8.2	9.2	8.1	Giỏi
457	9/5	Ngô Thùy Trang	12/04/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.2	6.4	Khá
458	9/5	Nguyễn Bảo Trâm	27/09/2004	Nữ	Kinh	7.2	8.6	7.6	Giỏi
459	9/5	Nguyễn Công Đạt	08/10/2004	Nam	Kinh	7.6	8.2	8.3	Giỏi
460	9/5	Nguyễn Đoàn Xuân Nhi	20/07/2004	Nữ	Kinh	7.7	8.3	7.9	Giỏi
461	9/5	Nguyễn Đức Hiền	25/09/2004	Nam	Kinh	7.1	8.6	7.8	Khá
462	9/5	Nguyễn Hà Đăng Khanh	12/10/2004	Nữ	Kinh	7	8.8	9.3	Giỏi
463	9/5	Nguyễn Hoàng Minh	11/08/2004	Nam	Kinh	7.2	9.7	7.6	Giỏi
464	9/5	Nguyễn Ngọc Đình Khoa	13/05/2004	Nam	Kinh	7.8	9.8	7.9	Giỏi
465	9/5	Nguyễn Ngọc Khánh Vân	22/12/2004	Nữ	Kinh	8.2	9.1	9.3	Giỏi
466	9/5	Nguyễn Thanh Như	04/11/2004	Nữ	Kinh	7.8	8.3	8.6	Giỏi
467	9/5	Nguyễn Thanh Tùng	16/03/2004	Nam	Kinh	7.4	7.8	8.3	Khá
468	9/5	Nguyễn Thế Hợp	04/01/2004	Nam	Kinh	6.9	7	6.4	Khá
469	9/5	Nguyễn Thị Thúy Vy	20/06/2004	Nữ	Kinh	6.7	9.2	7.3	Giỏi
470	9/5	Nguyễn Trần Duy Khoa	07/03/2004	Nam	Kinh	8	7.6	7.2	Giỏi
471	9/5	Nguyễn Trúc Phương Khanh	02/10/2004	Nữ	Kinh	6.8	8.5	9.2	Giỏi
472	9/5	Phạm Trần Thanh Nga	16/09/2004	Nữ	Kinh	7.5	9.3	8.6	Giỏi
473	9/5	Phan Đặng Phương Nhi	09/10/2004	Nữ	Kinh	7.9	8.6	8.4	Giỏi
474	9/5	Phan Quốc Thắng	11/01/2004	Nam	Kinh	6.8	8.8	7.6	Giỏi
475	9/5	Thị Hòa Minh Trang	30/04/2004	Nữ	Kinh	7.7	9.3	8.4	Giỏi
476	9/5	Trần Đại Dũng	08/05/2004	Nam	Kinh	7.9	8.3	6.9	Giỏi
477	9/5	Trần Ngô Nhật Luân	21/10/2004	Nam	Kinh	7.8	9.6	9	Giỏi
478	9/5	Trần Tú Anh	07/07/2004	Nữ	Kinh	7.6	8.8	7.4	Giỏi
479	9/5	Trịnh Ngọc Anh	19/10/2004	Nữ	Kinh	8	8.8	7.9	Giỏi
480	9/5	Trương Nguyễn Thành	25/08/2004	Nam	Kinh	8.3	9.3	7.9	Giỏi
481	9/5	Trương Trang Thái Bảo	27/11/2004	Nam	Kinh	8.2	9.4	9.3	Giỏi
482	9/5	Vũ Hoàng Nhi	04/12/2004	Nữ	Kinh	8.3	9.2	8.9	Giỏi

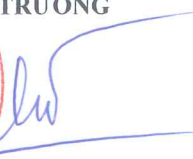
STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
483	9/5	Vũ Huỳnh Thảo Uyên	19/06/2004	Nữ	Kinh	7.9	8.1	7	Giỏi
484	9/6	Bùi Nguyễn Duy Khang	29/03/2004	Nam	Kinh	5.7	7.3	5.5	Khá
485	9/6	Bùi Thanh Vy	14/09/2004	Nữ	Kinh	8.4	8.9	8.3	Giỏi
486	9/6	Cao Ngọc Vĩ	16/02/2004	Nam	Kinh	6.3	7.7	8.2	Khá
487	9/6	Dai Nguyên Minh Đạt	08/08/2004	Nam	Kinh	6.2	7.2	7.3	Khá
488	9/6	Đặng Vi Phương	21/10/2004	Nữ	Kinh	7.1	7.2	6.8	Khá
489	9/6	Đào Trúc Vy	23/06/2004	Nữ	Kinh	6.1	8	7.4	Khá
490	9/6	Đỗ Lê Xuân Quỳnh	02/08/2004	Nữ	Kinh	8.1	9.2	7.9	Giỏi
491	9/6	Đỗ Quốc Huy	30/06/2004	Nam	Kinh	6.8	7.2	7	Khá
492	9/6	Đỗ Trần Yến Nhi	13/11/2004	Nữ	Kinh	7.7	8.9	7.2	Giỏi
493	9/6	Hà Nguyễn Duy Anh	03/08/2004	Nam	Kinh	7	7.6	6.5	Khá
494	9/6	Hoàng Anh Khoa	18/12/2004	Nam	Kinh	5.8	7.5	5.1	Khá
495	9/6	Hoàng Phạm Minh Thư	30/08/2004	Nữ	Kinh	7.9	8.3	6.5	Giỏi
496	9/6	Kim Thị Thu Hằng	09/07/2004	Nữ	Kinh	6.9	7.2	5.8	Khá
497	9/6	Kim Văn Trường	16/09/2004	Nam	Kinh	4.4	7.6	6.8	Trung bình
498	9/6	Lê Quang Phú	14/02/2004	Nam	Kinh	7.2	7.6	6.5	Khá
499	9/6	Lê Thị Mỹ Dung	06/11/2004	Nữ	Kinh	8.4	9.7	7.9	Giỏi
500	9/6	Mai Tuấn Tài	12/01/2004	Nam	Kinh	5.6	8	6.2	Khá
501	9/6	Nguyễn Gia Vy	03/08/2004	Nữ	Kinh	7.3	7.6	7.5	Khá
502	9/6	Nguyễn Hải Đăng	19/05/2004	Nam	Kinh	7.1	8.5	6.1	Khá
503	9/6	Nguyễn Hoàng Ái Linh	29/09/2004	Nữ	Kinh	7.8	9	8.3	Giỏi
504	9/6	Nguyễn Hoàng Nhật Minh	21/09/2004	Nam	Kinh	6.7	8.7	6.7	Giỏi
505	9/6	Nguyễn Hoàng Phúc	07/04/2004	Nam	Kinh	6.2	7.8	7.4	Khá
506	9/6	Nguyễn Lê Thiên An	20/10/2004	Nữ	Kinh	8.5	9.1	9	Giỏi
507	9/6	Nguyễn Lục Phương Hoàng	27/05/2004	Nữ	Kinh	5.5	6.3	5.1	Trung bình
508	9/6	Nguyễn Ngọc Cát Tiên	21/11/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.4	6.1	Khá
509	9/6	Nguyễn Ngọc Minh Toàn	01/06/2004	Nam	Kinh	7.1	7.8	6.8	Khá
510	9/6	Nguyễn Ngọc Mỹ Trâm	29/09/2004	Nữ	Kinh	7.8	8.8	7.8	Giỏi
511	9/6	Nguyễn Phi Phụng	23/02/2004	Nam	Kinh	7	8.4	7.2	Giỏi
512	9/6	Nguyễn Tấn Phát	16/07/2004	Nam	Kinh	5.4	7.9	5.6	Khá
513	9/6	Nguyễn Tấn Tài	23/12/2004	Nam	Kinh	8	8.8	7.1	Giỏi
514	9/6	Nguyễn Thanh Triệu Minh	17/10/2004	Nữ	Kinh	7	7.7	6.9	Khá
515	9/6	Nguyễn Thảo My	16/04/2004	Nữ	Kinh	7	8.1	7.1	Giỏi
516	9/6	Nguyễn Thị Ngọc Nhận	28/12/2004	Nữ	Kinh	6	6.1	4.7	Trung bình
517	9/6	Nguyễn Trọng Nghĩa	21/12/2004	Nam	Kinh	7.2	7.8	7.2	Khá
518	9/6	Nguyễn Xuân Hải	14/01/2004	Nam	Kinh	6.5	7.2	5.9	Khá
519	9/6	Nguyễn Xuân Hồng Phát	27/05/2004	Nam	Kinh	7.5	9	6.8	Giỏi
520	9/6	Phạm Cao Nguyên	09/01/2004	Nam	Kinh	7.6	8.2	7.5	Giỏi
521	9/6	Phạm Minh Nhật	16/06/2004	Nam	Kinh	6.5	7.3	6.2	Khá
522	9/6	Phạm Nhật Khánh Linh	26/10/2004	Nữ	Kinh	6.5	6.5	6.5	Khá
523	9/6	Phạm Võ Hồng Nhung	11/09/2004	Nữ	Kinh	6.5	7.9	6.2	Khá
524	9/6	Phan Quang Huy	24/03/2004	Nam	Kinh	6.8	7.9	6	Khá
525	9/6	Trần Đức Thịnh	19/01/2004	Nam	Kinh	7.4	9.1	7.1	Giỏi
526	9/6	Trần Ngọc Bảo Hân	22/05/2004	Nữ	Kinh	8	8.3	7	Giỏi
527	9/6	Trương Thị Hương Giang	12/06/2004	Nữ	Kinh	7.9	8.7	7.6	Giỏi
528	9/6	Vũ Thị Minh Liên	23/01/2003	Nữ	Kinh	6.1	7.2	6.2	Khá
529	9/6	Vũ Thu Hiền	31/10/2004	Nữ	Kinh	7.4	7.8	6.6	Khá
530	9/6	Vũ Xuân Nam	18/06/2004	Nam	Kinh	6.9	9.1	6.2	Khá
531	9/7	Bùi Thị Trang	13/03/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.8	6.7	Giỏi
532	9/7	Bùi Vĩnh Thành	11/01/2004	Nam	Kinh	7.3	7.3	6.9	Khá
533	9/7	Bùi Xuân Trường	10/09/2004	Nam	Kinh	5.2	5.4	4	Trung bình
534	9/7	Cao Thanh Thảo	06/10/2004	Nữ	Kinh	5	6.3	4.5	Trung bình
535	9/7	Đặng Nguyễn Trường Sơn	14/11/2003	Nam	Kinh	6.4	7.8	7.3	Khá
536	9/7	Đặng Quang Minh	14/07/2004	Nam	Kinh	7.3	8.6	8.3	Giỏi
537	9/7	Đinh Thụy Quỳnh Như	10/03/2004	Nữ	Kinh	8.4	9.7	9.3	Giỏi
538	9/7	Đoàn Nguyễn Minh Nhật	09/02/2004	Nam	Kinh	6.3	6.5	5.4	Khá
539	9/7	Huỳnh Tuấn Sang	18/11/2004	Nam	Kinh	7.7	7.4	5.7	Khá
540	9/7	Lê Anh Khoa	03/11/2004	Nam	Kinh	6.1	6.6	4.7	Trung bình
541	9/7	Lê Ngọc Thiên An	25/09/2004	Nữ	Kinh	6.5	5.7	5.6	Khá
542	9/7	Lê Nguyễn Thành Đức	07/04/2004	Nam	Kinh	6.2	7	7.1	Khá
543	9/7	Lê Thị Hồng Nhung	26/03/2004	Nữ	Kinh	7.6	6.3	5.9	Khá

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
544	9/7	Nguyễn Anh Hào	08/06/2004	Nam	Kinh	5.5	4.3	4.3	Trung bình
545	9/7	Nguyễn Dư Uyên Nhi	17/03/2004	Nữ	Kinh	6.4	8.6	5.5	Khá
546	9/7	Nguyễn Hương Giang	09/09/2004	Nữ	Kinh	7.5	7.6	5.9	Khá
547	9/7	Nguyễn Hữu Duy Phát	10/06/2004	Nam	Kinh	8.5	9.6	8.5	Giỏi
548	9/7	Nguyễn Khánh Băng	26/12/2004	Nữ	Kinh	8.6	9	7.3	Giỏi
549	9/7	Nguyễn Minh Giáp	12/11/2004	Nam	Kinh	7.8	9.2	9.3	Giỏi
550	9/7	Nguyễn Ngọc Thảo Vi	03/05/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.7	7	Giỏi
551	9/7	Nguyễn Ngọc Thúy Ngân	22/03/2004	Nữ	Kinh	6.2	6	4.9	Trung bình
552	9/7	Nguyễn Nguyệt Thu	26/11/2004	Nữ	Kinh	6.9	7.9	5.8	Khá
553	9/7	Nguyễn Phạm Trung Nam	04/10/2004	Nam	Kinh	7.7	8.1	7.6	Giỏi
554	9/7	Nguyễn Phú Hào	12/05/2004	Nam	Kinh	5.9	6.6	5.6	Khá
555	9/7	Nguyễn Tân Phát	18/12/2004	Nam	Kinh	7.7	8.5	8.5	Giỏi
556	9/7	Nguyễn Thảo Nguyên	09/11/2004	Nữ	Kinh	8.1	8.9	8.3	Giỏi
557	9/7	Nguyễn Thảo Tiên	21/05/2004	Nữ	Kinh	7.2	7.7	8.1	Khá
558	9/7	Nguyễn Thị Ngọc Linh	30/09/2004	Nữ	Kinh	7.2	7.6	9.1	Khá
559	9/7	Nguyễn Thúy Hiền	01/03/2004	Nữ	Kinh	7.3	7.9	7.3	Khá
560	9/7	Nguyễn Thủy Tiên	09/12/2004	Nữ	Kinh	8.2	9.1	9.2	Giỏi
561	9/7	Nguyễn Tiến Toàn	16/10/2004	Nam	Kinh	5.1	5.4	4.4	Trung bình
562	9/7	Nguyễn Trọng Nghĩa	02/12/2004	Nam	Kinh	6.8	8	7.9	Giỏi
563	9/7	Nguyễn Trương Mai Thy	29/04/2004	Nữ	Kinh	4.4	5	5.4	Trung bình
564	9/7	Nguyễn Văn An	24/07/2004	Nam	Kinh	8	8.9	8.8	Giỏi
565	9/7	Nguyễn Việt Hoàng	29/01/2004	Nam	Kinh	7.4	6.8	7.2	Khá
566	9/7	Nguyễn Viết Huy	27/02/2004	Nam	Kinh	5.6	5.8	7.7	Trung bình
567	9/7	Phạm Lâm Ngọc Yến	29/04/2004	Nữ	Kinh	6.8	7.8	6	Khá
568	9/7	Phan Anh Thư	21/10/2004	Nữ	Kinh	7.9	8.4	8	Giỏi
569	9/7	Phan Trọng Tuấn Khôi	06/11/2004	Nam	Kinh	7.6	7.8	7.3	Khá
570	9/7	Tôn Thất Khải	02/12/2004	Nam	Kinh	5	6.2	4.8	Trung bình
571	9/7	Trần Gia Mẫn	02/01/2004	Nữ	Kinh	8.1	9.1	8.9	Giỏi
572	9/7	Trần Minh Dương	28/10/2004	Nam	Kinh	5.4	8.1	6	Khá
573	9/7	Trịnh Anh Vũ	01/09/2004	Nam	Kinh	6.2	5.3	7	Trung bình
574	9/7	Trương Quỳnh Anh	28/08/2004	Nữ	Kinh	7.7	8.9	9.1	Giỏi
575	9/7	Võ Hoàng Phúc	02/11/2004	Nam	Kinh	6.8	8.8	7	Giỏi
576	9/7	Võ Ngọc Bảo Thư	12/09/2004	Nữ	Kinh	8	8.7	7.7	Giỏi
577	9/7	Vũ Duy Huy	09/08/2004	Nam	Kinh	5.3	7.2	5.7	Khá
578	9/7	Vũ Mạnh Khang	23/10/2004	Nam	Kinh	6	6.8	4.7	Trung bình
579	9/8	Công Anh Nguyễn	27/05/2004	Nam	Kinh	5.6	8.6	5.6	Khá
580	9/8	Đinh Gia Phong	28/09/2003	Nam	Kinh	5.8	6.9	6.2	Khá
581	9/8	Đỗ Khánh Nguyên	27/03/2004	Nam	Kinh	6	7.4	6.5	Khá
582	9/8	Dương Minh Hào	08/12/2004	Nam	Kinh	5.4	6.4	4.5	Trung bình
583	9/8	Dương Quỳnh Chi	19/08/2004	Nữ	Kinh	7.9	9.3	9.4	Giỏi
584	9/8	Hà Hạp Trâm	22/06/2004	Nữ	Kinh	6.3	6.3	5.5	Trung bình
585	9/8	Hoàng Trung Kiên	07/06/2004	Nam	Kinh	5.7	7.7	5.9	Khá
586	9/8	Huỳnh Bảo Châu	23/10/2004	Nữ	Kinh	7.9	8.5	7.8	Giỏi
587	9/8	Lâm Hoàng Khang	08/12/2004	Nam	Kinh	5.7	7.8	5.9	Khá
588	9/8	Lê Bích Ngọc	04/06/2004	Nữ	Kinh	5.7	6.3	4.5	Trung bình
589	9/8	Lê Thái Hiền	27/06/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.9	7.6	Giỏi
590	9/8	Lê Tú Quyên	12/04/2004	Nữ	Kinh	7.9	9.3	7.8	Giỏi
591	9/8	Lê Vũ Gia Linh	01/12/2004	Nữ	Kinh	7.1	8.7	6.6	Giỏi
592	9/8	Lý Bửu	18/02/2004	Nam	Kinh	6.1	7.8	6.9	Khá
593	9/8	Mai Văn Vinh	26/01/2004	Nam	Kinh	6.7	8.3	7.3	Giỏi
594	9/8	Ngô Anh Khôi	29/08/2004	Nam	Kinh	5.8	8.3	5.8	Khá
595	9/8	Nguyễn Hoài An	23/07/2004	Nữ	Kinh	7.6	8.9	8	Giỏi
596	9/8	Nguyễn Hoàng Hải Yến	14/09/2004	Nữ	Kinh	5.9	7.7	6.9	Khá
597	9/8	Nguyễn Hoàng Tấn Tài	19/02/2004	Nam	Kinh	6.2	7.9	6.7	Khá
598	9/8	Nguyễn Hoàng Thịnh	16/01/2004	Nam	Kinh	5.9	6.5	5.5	Khá
599	9/8	Nguyễn Huỳnh Hữu Tâm	04/01/2004	Nam	Kinh	5.5	6.7	6.3	Khá
600	9/8	Nguyễn Khánh Linh	24/11/2004	Nữ	Kinh	5.9	7	5	Khá
601	9/8	Nguyễn Lê Anh Toàn	01/02/2004	Nam	Kinh	5.4	7.9	5	Khá
602	9/8	Nguyễn Lý Bảo Trâm	19/11/2004	Nữ	Kinh	7	9	8.6	Giỏi
603	9/8	Nguyễn Minh Hoàng	19/03/2004	Nam	Kinh	6.1	9	7.8	Khá
604	9/8	Nguyễn Mỹ Nguyên	29/06/2004	Nữ	Kinh	7.8	7.6	6.5	Khá

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
605	9/8	Nguyễn Ngọc Khánh Trang	09/11/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.6	8.1	Giỏi
606	9/8	Nguyễn Ngọc Minh Thu	07/03/2004	Nữ	Kinh	5.8	6.5	4	Trung bình
607	9/8	Nguyễn Trần Đan Thu	13/08/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.3	8.8	Giỏi
608	9/8	Nguyễn Trần Yến Nhi	07/09/2004	Nữ	Kinh	7.7	9.4	8.8	Giỏi
609	9/8	Nguyễn Văn Anh	07/04/2004	Nữ	Kinh	6.1	7.4	7.1	Khá
610	9/8	Nguyễn Vũ Anh Thu	24/03/2004	Nữ	Kinh	5.8	7.2	5.1	Khá
611	9/8	Phạm Hoàng Gia Thủy	04/03/2004	Nữ	Kinh	5.9	6.7	4.1	Trung bình
612	9/8	Phạm Hồng Ngọc Thủy	01/10/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.1	7.1	Giỏi
613	9/8	Phạm Nguyễn Thế Hào	27/03/2004	Nam	Kinh	6.5	8.2	6.2	Khá
614	9/8	Phan Văn Hiền	24/07/2004	Nam	Kinh	5.1	6.6	4.2	Trung bình
615	9/8	Thái Thái	10/04/2004	Nam	Kinh	6.6	7.9	6.4	Khá
616	9/8	Trần Công Nghĩa	28/09/2004	Nam	Kinh	5.4	7.4	5.9	Khá
617	9/8	Trần Lê Huy Hiền	26/11/2004	Nam	Kinh	5.9	7.5	7.9	Khá
618	9/8	Trần Ngọc Minh Trang	25/10/2004	Nữ	Kinh	7.2	8.9	8.5	Giỏi
619	9/8	Trần Ngọc Nhã Phương	20/12/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.5	7.1	Giỏi
620	9/8	Trần Ngọc Quốc Khánh	25/08/2003	Nam	Kinh	5.2	5.4	4.1	Trung bình
621	9/8	Trần Ngọc Quỳnh	01/09/2004	Nữ	Kinh	6	5.8	6.9	Trung bình
622	9/8	Trần Thanh Tùng	30/09/2004	Nam	Kinh	6.2	7.6	5.7	Khá
623	9/8	Trần Thụy Nhiên	03/01/2004	Nữ	Kinh	6.2	7.8	6.5	Khá
624	9/8	Trương Khánh Quân	17/07/2004	Nam	Kinh	4.5	5.1	4.4	Trung bình
625	9/8	Vũ Xuân Mỹ	17/09/2004	Nam	Kinh	5.8	6.6	5.2	Khá
626	9/9	Đặng Kim Nguyên	20/10/2004	Nữ	Kinh	6.4	7.2	4.4	Trung bình
627	9/9	Đặng Minh Cường	26/07/2004	Nam	Kinh	5	5.9	5.2	Trung bình
628	9/9	Hàng Anh Phát	16/02/2004	Nam	Kinh	7	6.1	5.5	Khá
629	9/9	Hồng Ngọc Thảo Vy	08/05/2004	Nữ	Hoa	7.5	7.6	6.7	Khá
630	9/9	Huỳnh Thanh Nam	28/07/2004	Nam	Kinh	6.7	7	7.6	Khá
631	9/9	Mai Tùng Lâm	29/04/2004	Nam	Kinh	6.1	5.4	4.1	Trung bình
632	9/9	Nguyễn Cát Tường Vi	06/12/2004	Nữ	Kinh	5.8	5	4.5	Trung bình
633	9/9	Nguyễn Chiến Công	16/10/2004	Nam	Kinh	5.7	6.9	5.3	Khá
634	9/9	Nguyễn Đăng Khoa	04/02/2004	Nam	Kinh	7.7	9.1	9.4	Giỏi
635	9/9	Nguyễn Đăng Khoa	07/10/2004	Nam	Kinh	7	8.6	8	Giỏi
636	9/9	Nguyễn Dương Mỹ Linh	24/11/2004	Nữ	Kinh	5.2	5.5	4.8	Trung bình
637	9/9	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	16/11/2004	Nữ	Kinh	4.7	5	5.2	Trung bình
638	9/9	Nguyễn Hoàng Tấn Lộc	05/08/2004	Nam	Kinh	6.1	5.8	5.8	Trung bình
639	9/9	Nguyễn Hoàng Xuân Mai	25/08/2004	Nữ	Kinh	7.9	9.5	9.1	Giỏi
640	9/9	Nguyễn Huỳnh Tú Như	08/06/2004	Nữ	Kinh	6.2	5.5	5.7	Trung bình
641	9/9	Nguyễn Khánh Duy	15/06/2004	Nam	Kinh	7.8	9	8.1	Giỏi
642	9/9	Nguyễn Kim Ngân	02/08/2004	Nữ	Kinh	7.5	7.8	7.8	Khá
643	9/9	Nguyễn Minh Huy	11/07/2004	Nam	Kinh	6.1	7.3	8.7	Khá
644	9/9	Nguyễn Minh Thu	21/08/2004	Nữ	Kinh	7.2	7.3	5.8	Khá
645	9/9	Nguyễn Ngọc Quỳnh My	09/07/2004	Nữ	Kinh	6.1	5.5	5.9	Trung bình
646	9/9	Nguyễn Thụy Gia Hân	24/11/2004	Nữ	Kinh	6	7.3	6.7	Khá
647	9/9	Nguyễn Thùy Tiên	09/01/2004	Nữ	Kinh	7.3	6.9	6.1	Khá
648	9/9	Nguyễn Tuấn Kiệt	24/08/2004	Nam	Kinh	5.1	5.3	4.9	Trung bình
649	9/9	Phạm Bảo Khang	08/08/2004	Nam	Kinh	7	6.3	5.8	Khá
650	9/9	Phạm Nguyễn Minh Luân	19/06/2004	Nam	Kinh	4.8	5.1	5.1	Trung bình
651	9/9	Phan Ngọc Diễm Quỳnh	29/09/2004	Nữ	Kinh	7.1	8.2	6.8	Giỏi
652	9/9	Tạ Mai Anh	02/07/2004	Nữ	Kinh	7.1	8.2	8.3	Giỏi
653	9/9	Tạ Minh Khôi	02/07/2004	Nam	Kinh	7.2	9.6	9.4	Giỏi
654	9/9	Tạ Ngọc Khánh Linh	06/10/2004	Nữ	Kinh	5.7	7.7	6.1	Khá
655	9/9	Trần Đăng Ngọc Hà	18/11/2004	Nữ	Kinh	6.5	6.5	7.6	Khá
656	9/9	Trần Đức Huy	17/02/2004	Nam	Kinh	4.9	7.5	7.1	Trung bình
657	9/9	Trần Gia Bảo	15/10/2004	Nam	Kinh	6.7	7	6.1	Khá
658	9/9	Trần Khánh Quỳnh	24/07/2004	Nữ	Kinh	6.6	8	9	Giỏi
659	9/9	Trần Mỹ Uyên	06/05/2004	Nữ	Kinh	6.4	6.4	6.1	Trung bình
660	9/9	Trần Ngọc Hân	26/08/2004	Nữ	Kinh	5.3	6.1	5.5	Trung bình
661	9/9	Trần Thanh Nhã	25/05/2004	Nữ	Kinh	6.7	7.4	6	Khá
662	9/9	Trần Thị Trúc Tiên	25/08/2004	Nữ	Kinh	6.5	6.5	5.9	Khá
663	9/9	Trần Trọng Tài	09/02/2004	Nam	Kinh	6.2	8.1	5.1	Khá
664	9/9	Trần Tuấn Toàn	09/07/2004	Nam	Kinh	5.9	6.4	4.9	Trung bình
665	9/9	Trương Ngọc Diệp	17/09/2004	Nữ	Kinh	6.5	6.5	4.5	Trung bình

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
666	9/9	Võ Đức Duy	06/07/2004	Nam	Kinh	6.1	7.7	6.6	Khá
667	9/9	Vũ Hoàng Thùy Linh	18/02/2004	Nữ	Kinh	7	6.9	6.5	Khá
668	9/9	Vũ Ngọc Hân	11/02/2004	Nữ	Kinh	5.7	5.1	4.5	Trung bình

Tổng cộng danh sách có: 668 học sinh tốt nghiệp THCS.


HIỆU TRƯỞNG

VŨ THỊ THƠ